TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 19 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa:

-*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1984

-*Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1980

Địa chỉ: đều ở Khu Đ, xã V, huyện C, Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy M - sinh ngày 24/7/2010; Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức D - sinh ngày 21/8/2008, kể từ tháng 7/2019 đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung,công sức và quyền,nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003275 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện;
-Thi hành án DS;
-UBND xã Văn Khúc;
-Lưu HS;
-Lưu VP.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng